
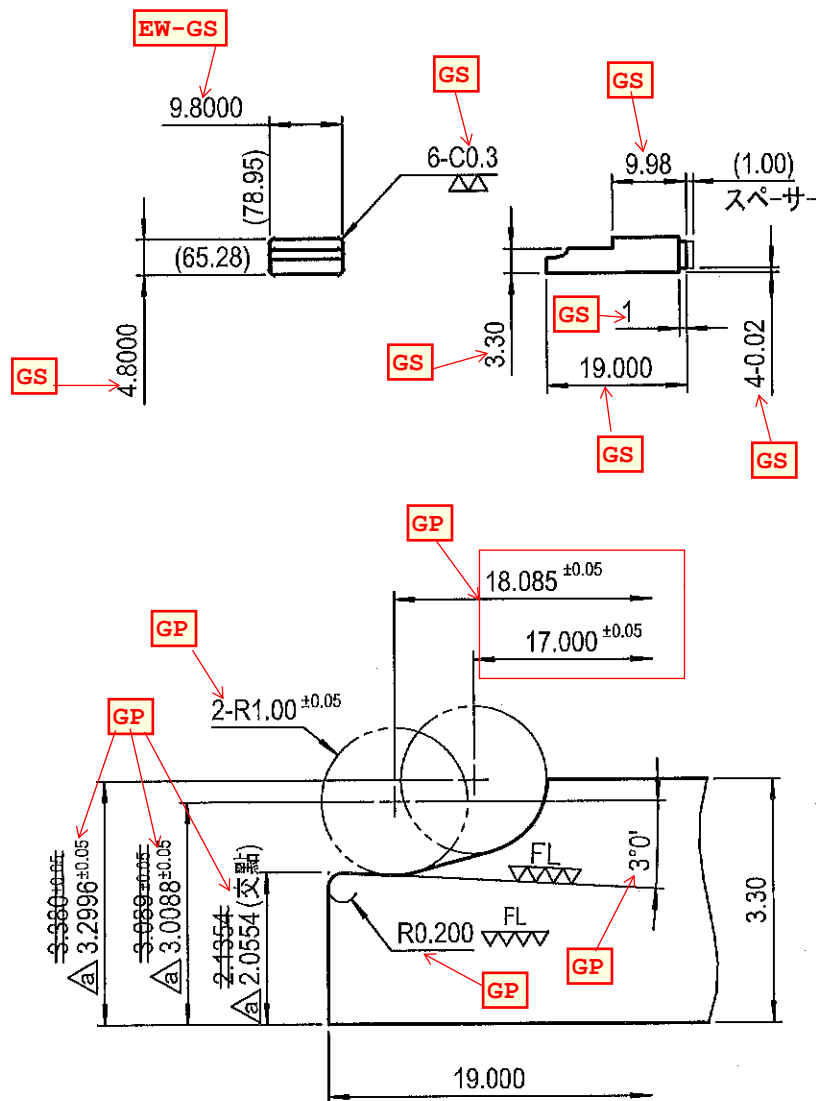


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2007/08/21	新規設計		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2016/12/28	寸法變更(35b上限改善)(S868062→R033690)		Tsay_Tzong_Yuh	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0 -0.01
△						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
									

EW ra phôi T6*10.3*19.5



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		曲げダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BEND DIE
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		彎曲下模
		部品図		弯曲下模
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2007/08/21	1:1 (10/1)	R033690	

16 7 12 7 21

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 205 0488

SNO: **R033690**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T6*13*22	EW:30 GS:90 GP:90 AF:20 KT